TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2026/DSST
Ngày: 07/7/2026
V/v tranh chấp: " Hợp đồng mua bán và hợp đồng thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Thái

2. Bà Lê Thị Phương Thảo

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án thụ lý số: 381/TLST-DS ngày 03/12/2025 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán và hợp đồng thuê tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2026/QĐXXST-DS ngày 12/3/2026 và quyết định hoãn số phiên tòa số 138/QĐST-DS ngày 27/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH M.**

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Tháp G, sinh (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 2000 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tháp G trình bày:* Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) hoạt động trong lĩnh vực mua bán và cho thuê xe. Ngày 07/4/2025 Công ty M và bà Phạm Thị Thu T có làm văn bản thoả thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe, trong đó có

nội dung như sau: Công ty M mua của bà Phạm Thị Thu T 01 chiếc xe mô tô loại 02 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh xám đen, biển số 63B8-193.17 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên bà Phạm Thị Thu T với giá tiền là 15.000.000 đồng. Văn bản thoả thuận mua bán xe được lập tại Công ty M, bà T có ký tên vào văn bản thoả thuận. Cùng ngày 07/4/2025 thì Công ty M đã thanh toán đủ số tiền cho bà T, có làm biên nhận, bà T có ký tên vào biên nhận tiền. Sau khi bán xe, bà T có nhu cầu muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống, Công ty M đã đồng ý cho bà T thuê lại xe trong thời hạn 03 tháng, từ ngày 07/4/2025 đến ngày 07/7/2025, phí dịch vụ thuê xe là 1.200.000 đồng/tháng, được thanh toán mỗi 30 ngày một lần kể từ khi bắt đầu thuê xe.

Tuy nhiên kể từ khi thuê xe cho đến bà T chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê nào cho Công ty M và cũng không trả lại chiếc xe đã thuê lại cho công ty.

Việc bà Phạm Thị Thu T không trả tiền thuê xe, không trả lại xe đã thuê đã ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của Công ty M. Nên công ty khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

Công nhận "THOẢ THUẬN về việc mua bán xe" ký ngày 07/04/2025 giữa Công ty M và bà Phạm Thị Thu T có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M giá trị chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn xám đen, biển số 63B8-193.17, số máy JFV1E1853404, số khung V112JK847979 là 15.000.000 đồng, và tiền thuê xe tính từ ngày 07/4/2025 đến 07/12/2025 là 08 tháng x 1.200.000 đồng/tháng = 9.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà Phạm Thị Thu T phải trả cho Công ty TNHH M là 24.600.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 04/01/2026, Công ty rút yêu cầu Công nhận "Thỏa thuận về việc mua bán xe" ký ngày 07/4/2025 giữa ty A và bà Nguyễn Thị Thu T1 có hiệu lực pháp luật; Yêu cầu hủy hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê xe trả lại số tiền mua bán xe và tính lãi suất và buộc bà T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M giá trị chiếc xe nêu trên số tiền là 15.000.000 đồng đã thuê vào ngày 07/03/2025 và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quá hạn 20%/năm.

** Bị đơn bà Phạm Thị Thu T vắng mặt không lý do dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nên Toà án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải được. Toà án lập biên bản này làm căn cứ để giải quyết vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của đại diện uỷ quyền nguyên đơn; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê xe trả lại số tiền mua bán xe và tính lãi suất; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng mua bán và thuê tài sản" theo định tại Điều 430, 472 Bộ luật sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn bà Phạm Thị Thu T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu buộc bà Phạm Thị Thu T2 có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M (Gọi tắt Công ty) giá trị chiếc xe nhãn hiệu Honda, màu sơn xám đen, biển số 63B8-193.17, số máy JFV1E1853404, số khung V112JK847979 là 15.000.000 đồng đã thuê vào ngày 07/4/2025 và số tiền lãi nợ quá hạn từ ngày 7/4/2025 đến ngày Tòa án xét xử.

Xét thấy, ngày 07/4/2025 Công ty TNHH M có ký hợp đồng mua bán với bà Phạm Thị Thu T để mua 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda, màu sơn xám đen, biển số 63B8-193.17, số máy JFV1E1853404, số khung V112JK847979 với là 15.000.000 đồng, công ty đã giao đủ tiền cho bà T. Công ty giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe của bà T. Cùng ngày 07/4/2025 Công ty và bà T đã lập hợp đồng thuê xe, thỏa thuận thời hạn 03 tháng, từ ngày 07/4/2025 đến ngày 07/7/2025, phí dịch vụ thuê xe là 1.200.000 đồng/tháng, được thanh toán mỗi 30 ngày một lần kể từ khi bắt đầu thuê xe. Thực hiện hợp đồng bà T chưa thanh toán số tiền thuê xe nào kể từ ngày 07/4/2025 cho Công ty.

Nay Công ty yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe và hợp đồng thuê xe giữa Công ty và bà T, yêu cầu bà T trả tiền mua bán xe và tiền lãi phát sinh từ 07/4/2025 đến ngày xét xử là phù hợp. Bởi lẽ, hợp đồng mua bán xe và hợp đồng thuê xe được ký kết giữa Công ty và bà T không có công chứng, chứng thực. Phía công ty chưa được đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu xe. Nay Công ty yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe, hợp đồng thuê xe là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 427, Điều 428, Điều 429, Điều 430, Điều 440 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do hủy hợp đồng mua bán xe, thuê xe nên bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty số tiền 15.000.000 đồng và lãi phát sinh quá hạn từ ngày 07/4/2025 đến ngày xét xử (tính 15 tháng) với số tiền lãi 3.735.000 đồng mới đảm bảo quyền lợi cho Công ty M.

[5] Toà án triệu tập bà T nhiều lần để xét xử nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo định.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 217, Điều 244 Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 427, Điều 428, Điều 429, Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 472 Bộ luật sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M có đại diện uỷ quyền là chị Nguyễn Thị Tháp G.

Hủy hợp đồng mua bán xe và hợp đồng thuê xe cùng ngày 07/4/2025 giữa Công ty TNHH M và bà Phạm Thị Thu T.

Buộc bà Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền mua bán xe 15.000.000 đồng và lãi 3.735.000 đồng. Tổng cộng 18.735.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Khi bà Phạm Thị Thu T toán xong số tiền 18.735.000 đồng và lãi phát sinh (nếu có) thì Công ty TNHH M có nghĩa vụ trả bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Phạm Thị Thu T biển số 63B8-193.17.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ nộp số tiền 937.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; H1 lại cho Công ty TNHH M số tiền 495.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009634 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH M và bà Phạm Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 8 Luật hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân KV3;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Mỹ Lil